

TRƯỜNG: THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN
TỔ: TOÁN – TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN
MÔN TOÁN - KHỐI LỚP 11 - KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG
(Năm học 2025 - 2026)

1. Kế hoạch dạy học chi tiết

Học kì 1	18 Tuần x 3 tiết = 54 tiết	Chuyên đề 18 x 1= 18 tiết	Hoạt động trải nghiệm 04 tiết
Học kì 2	17 Tuần x 3 tiết = 51 tiết	Chuyên đề 17 x 1=17 tiết	Hoạt động trải nghiệm 03 tiết

➤ **Họ và tên giáo viên:** Nguyễn Thị Kim Anh

➤ **Phân công giảng dạy:** lớp 11/4, 11/8.

HỌC KÌ I: 18 TUẦN			
TUẦN	TIẾT	BÀI HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
CHƯƠNG I: HÀM SỐ LƯỢNG GIÁC VÀ CHƯƠNG TRÌNH LƯỢNG GIÁC (10 tiết)			
1	1, 2, 3	Bài 1: Giá trị lượng giác của góc lượng giác	- Nhận biết các khái niệm cơ bản về góc lượng giác. - Nhận biết khái niệm giá trị lượng giác của một góc lượng giác. - Mô tả bảng giá trị lượng giác của một số góc lượng giác thường gặp; hệ thức cơ bản giữa các giá trị lượng giác của một góc lượng giác; quan hệ giữa các giá trị lượng giác của các góc lượng giác có liên quan đặc biệt: bù nhau, phụ nhau, đối nhau, hơn kém nhau π. - Sử dụng máy tính cầm tay để tính giá trị lượng giác của một góc lượng giác khi biết số đo của góc đó. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với giá trị lượng giác của góc lượng giác.

2	4, 5	Bài 2: Công thức lượng giác	- Mô tả các phép biến đổi lượng giác cơ bản: công thức cộng; công thức góc nhân đôi; công thức biến đổi tích thành tổng và công thức biến đổi tổng thành tích. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với giá trị lượng giác của góc lượng giác và các phép biến đổi lượng giác.
	6	Bài 3: Hàm số lượng giác	- Nhận biết các khái niệm về hàm số chẵn, hàm số lẻ, hàm số tuần hoàn. - Nhận biết các đặc trưng hình học của đồ thị hàm số chẵn, hàm số lẻ, hàm số tuần hoàn. - Nhận biết các hàm số lượng giác $y = \sin x$, $y = \cos x$, $y = \tan x$, $y = \cot x$ thông qua đường tròn lượng giác. Mô tả bảng giá trị của bốn hàm số lượng giác đó trên một chu kì. - Vẽ đồ thị của các hàm số $y = \sin x$, $y = \cos x$, $y = \tan x$, $y = \cot x$. - Giải thích tập xác định; tập giá trị; tính chất chẵn, lẻ; tính tuần hoàn; chu kì; khoảng đồng biến, nghịch biến của các hàm số $y = \sin x$, $y = \cos x$, $y = \tan x$, $y = \cot x$ dựa vào đồ thị. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với hàm số lượng giác.
3	7	Bài 3: Hàm số lượng giác (tiếp theo)	
	8, 9	Bài 4: Phương trình lượng giác cơ bản	- Nhận biết công thức nghiệm của phương trình lượng giác cơ bản bằng cách vận dụng đồ thị hàm số lượng giác tương ứng. - Tính nghiệm gần đúng của phương trình lượng giác cơ bản bằng máy tính cầm tay. - Giải phương trình lượng giác ở dạng vận dụng trực tiếp phương trình lượng giác cơ bản. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình lượng giác.
4	10	Bài tập cuối chương I	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
	CHƯƠNG II: DÃY SỐ, CẤP SỐ CỘNG VÀ CẤP SỐ NHÂN (7 tiết)		
	11, 12	Bài 5: Dãy số	- Nhận biết dãy số hữu hạn, dãy số vô hạn. - Thể hiện cách cho dãy số bằng liệt kê các số hạng; bằng công thức tổng quát; bằng hệ thức truy hồi; bằng cách mô tả. - Nhận biết tính chất tăng, giảm, bị chặn của dãy số trong những trường hợp đơn giản.

5	13, 14	Bài 6: Cấp số cộng	- Nhận biết một dãy số là cấp số cộng. - Giải thích công thức xác định số hạng tổng quát của cấp số cộng. - Tính tổng của n số hạng đầu của cấp số cộng. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với cấp số cộng.
	15	Bài 7: Cấp số nhân	- Nhận biết một dãy số là cấp số nhân. - Giải thích công thức xác định số hạng tổng quát của cấp số nhân. - Tính tổng của n số hạng đầu của cấp số nhân. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với cấp số nhân để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn.
6	16	Bài 7: Cấp số nhân (tiếp theo)	
	17	<i>Bài tập cuối chương II</i>	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
	CHƯƠNG III: CÁC SỐ ĐẶC TRƯNG ĐO XU THẾ TRUNG TÂM CỦA MẪU SỐ LIỆU GHÉP NHÓM (4 tiết)		
	18	Bài 8: Mẫu số liệu ghép nhóm	- Đọc và giải thích mẫu số liệu ghép nhóm. - Ghép nhóm mẫu số liệu.
7	19, 20	Bài 9: Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm	- Tính các số đặc trưng đo xu thế trung tâm của mẫu số liệu ghép nhóm. - Hiểu ý nghĩa, vai trò của các số đặc trưng của mẫu số liệu thực tế.
	21	<i>Bài tập cuối chương III</i>	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
8	22	<i>Ôn tập giữa kỳ I</i>	- Hệ thống kiến thức lý thuyết. - Hệ thống các dạng toán cơ bản và phương pháp giải (chú ý các lưu ý cần thiết khi giải toán). - Áp dụng các kiến thức đã học vào các bài toán liên hệ thực tiễn .
	23, 24	<i>Kiểm tra giữa kỳ I</i>	Kiến thức: Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh. Năng lực: Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán sử dụng ngôn ngữ. Phẩm chất: Trung thực nghiêm túc trong kiểm tra.
CHƯƠNG IV: QUAN HỆ SONG SONG TRONG KHÔNG GIAN (15 tiết)			

9	25, 26, 27	Bài 10: Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian.	- Nhận biết các quan hệ liên thuộc cơ bản giữa điểm, đường thẳng, mặt phẳng trong không gian. - Mô tả ba cách xác định mặt phẳng. - Xác định giao tuyến của hai mặt phẳng, giao điểm của đường thẳng và mặt phẳng. - Nhận biết hình chóp và hình tứ diện. - Mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn có liên quan đến đường thẳng, mặt phẳng trong không gian.
10	28, 29, 30	Bài 11: Hai đường thẳng song song	- Nhận biết vị trí tương đối của hai đường thẳng trong không gian: hai đường thẳng trùng nhau, song song, cắt nhau, chéo nhau. - Giải thích tính chất cơ bản của hai đường thẳng song song trong không gian. - Vận dụng kiến thức về hai đường thẳng song song để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn.
11	31, 32	Bài 12: Đường thẳng song song với mặt phẳng	- Nhận biết đường thẳng song song với mặt phẳng. - Giải thích điều kiện để đường thẳng song song với mặt phẳng. - Giải thích tính chất cơ bản về đường thẳng song song với mặt phẳng. - Mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn có liên quan đến đường thẳng song song với mặt phẳng.
	33	Bài 13: Hai mặt phẳng song song	- Nhận biết hai mặt phẳng song song trong không gian. - Giải thích điều kiện để hai mặt phẳng song song. - Giải thích tính chất cơ bản về hai mặt phẳng song song. - Giải thích định lý Thalès trong không gian. - Giải thích tính chất cơ bản của hình lăng trụ và hình hộp. - Mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn có liên quan đến hai mặt phẳng song song trong không gian.
12	34, 35, 36	Bài 13: Hai mặt phẳng song song (tiếp theo)	
13	37, 38	Bài 14: Phép chiếu song song	- Nhận biết khái niệm và tính chất cơ bản về phép chiếu song song. - Xác định ảnh của một điểm, một đoạn thẳng, một tam giác, một đường tròn qua phép chiếu song song. - Vẽ hình biểu diễn của một số hình khối đơn giản. - Mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn có liên quan đến phép chiếu song song.

	39	<i>Bài tập cuối chương IV (1 tiết)</i>	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
CHƯƠNG V: GIỚI HẠN. HÀM SỐ LIÊN TỤC (7 tiết)			
14	40, 41	Bài 15: Giới hạn của dãy số	- Nhận biết khái niệm giới hạn của dãy số. - Giải thích một số giới hạn cơ bản. - Vận dụng các phép toán giới hạn để tìm giới hạn của một số dãy số đơn giản. - Tính tổng của một cấp số nhân lùi vô hạn và vận dụng được kết quả đó để giải quyết một số tình huống thực tiễn giả định hoặc liên quan đến thực tiễn.
	42	Bài 16: Giới hạn của hàm số	- Nhận biết khái niệm giới hạn hữu hạn của hàm số tại một điểm và tại vô cực. - Nhận biết khái niệm giới hạn một phía. - Nhận biết khái niệm giới hạn vô cực. - Tính một số dạng giới hạn của hàm số. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với giới hạn của hàm số.
15	43	Bài 16: Giới hạn của hàm số (tiếp theo)	
	44, 45	Bài 17: Hàm số liên tục	- Nhận dạng hàm số liên tục tại một điểm, hoặc trên một khoảng, trên một đoạn. - Nhận dạng tính liên tục của tổng, hiệu, tích, thương của hai hàm số liên tục. - Nhận biết tính liên tục của một số hàm sơ cấp cơ bản trên tập xác định của chúng.
16	46	<i>Bài tập cuối chương V</i>	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
	47, 48	<i>Ôn tập cuối kỳ I</i>	- Hệ thống kiến thức lý thuyết. - Hệ thống các dạng toán cơ bản và phương pháp giải. - Áp dụng các kiến thức đã học vào các bài toán liên hệ thực tiễn.
17	49,50	<i>Kiểm tra cuối kỳ I</i>	Kiến thức: Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh. Năng lực: Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán sử dụng ngôn ngữ. Phẩm chất: Trung thực nghiêm túc trong kiểm tra.
	HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM (4 tiết)		

	51	Một vài ứng dụng của toán học trong tài chính	Học sinh biết vận dụng toán học để giải quyết một số vấn đề tài chính như bài toán gửi tiết kiệm tích lũy, bài toán vay trả góp.
18	52	Một vài ứng dụng của toán học trong tài chính (tiếp theo)	
	53, 54	Lực căng mặt ngoài của nước	- Học sinh biết thực hiện thí nghiệm để thu thập dữ liệu, biết sử dụng những số đặc trưng của số liệu ghép nhóm để so sánh kết quả và rút ra một số kết luận.

HỌC KÌ II: 17 TUẦN			
TUẦN	TIẾT	BÀI DẠY	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
CHƯƠNG VI: HÀM SỐ MŨ VÀ HÀM SỐ LOGARIT (8 tiết)			
19	55, 56	Bài 18: Lũy thừa với số mũ thực	- Nhận biết khái niệm lũy thừa với số mũ nguyên của một số thực khác 0 ; lũy thừa với số mũ hữu tỉ và lũy thừa với số mũ thực của một số thực dương. - Giải thích các tính chất của lũy thừa với số mũ nguyên, lũy thừa với số mũ hữu tỉ và lũy thừa với số mũ thực. - Sử dụng tính chất của phép tính lũy thừa trong tính toán các biểu thức số và rút gọn các biểu thức chứa biến. - Tính giá trị biểu thức số có chứa phép tính lũy thừa bằng cách sử dụng máy tính cầm tay. - Giải quyết một số vấn đề có liên quan đến môn học khác hoặc thực tiễn gắn liền với phép tính lũy thừa.
	57	Bài 19: Logarit	- Nhận biết khái niệm lôgarit cơ số a của một số thực dương. - Giải thích các tính chất của phép tính lôgarit nhờ sử dụng định nghĩa hoặc các tính chất đã biết trước đó. - Sử dụng tính chất của phép tính lôgarit trong tính toán các biểu thức số và rút gọn các biểu thức chứa biến. - Tính giá trị (đúng hoặc gần đúng) của lôgarit bằng cách sử dụng máy tính cầm tay. - Giải quyết một số vấn đề có liên quan đến môn học khác hoặc thực tiễn gắn với phép tính lôgarit.

20	58	Bài 19: Logarit (tiếp theo)	
	59	Bài 20: Hàm số mũ và hàm số logarit	- Nhận biết hàm số mũ và hàm số logarit. Nêu một số ví dụ thực tế về hàm số mũ, hàm số logarit. - Nhận dạng đồ thị của các hàm số mũ, hàm số logarit. - Giải thích các tính chất của hàm số mũ, hàm số logarit thông qua đồ thị của chúng. - Giải quyết một số vấn đề có liên quan đến môn học khác hoặc thực tiễn gắn với hàm số mũ và hàm số logarit.
	60	Bài 21: Phương trình, bất phương trình mũ và logarit	- Giải phương trình, bất phương trình mũ và lôgarit ở dạng đơn giản. - Giải quyết một số vấn đề liên môn hoặc có liên quan đến thực tiễn gắn với phương trình, bất phương trình mũ và lôgarit.
21	61	Bài 21: Phương trình, bất phương trình mũ và logarit (tiếp theo)	
	62	<i>Bài tập cuối chương VI</i>	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
	CHƯƠNG VII: QUAN HỆ VUÔNG GÓC TRONG KHÔNG GIAN (17 tiết)		
	63	Bài 22: Hai đường thẳng vuông góc	- Nhận biết góc giữa hai đường thẳng. - Nhận biết hai đường thẳng vuông góc. - Chứng minh hai đường thẳng vuông góc trong một số tình huống đơn giản. - Vận dụng kiến thức về quan hệ vuông góc giữa hai đường thẳng để mô tả một số hình ảnh thực tế.
22	64	Bài 22: Hai đường thẳng vuông góc (tiếp theo)	
	65,66	Bài 23: Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng	- Nhận biết đường thẳng vuông góc với mặt phẳng - Điều kiện để đường thẳng vuông góc với mặt phẳng - Giải thích mối liên hệ giữa quan hệ song song và quan hệ vuông góc của đường thẳng và mặt phẳng - Vận dụng kiến thức về quan hệ vuông góc giữa đường thẳng và mặt phẳng vào thực tế

23	67	Bài 23: Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng (tiếp theo)	
	68,69	Bài 24: Phép chiếu vuông góc, góc giữa đường thẳng và mặt phẳng	- Nhận biết phép chiếu vuông góc. - Xác định hình chiếu vuông góc của một điểm, một đường thẳng, một tam giác. - Giải thích định lý ba đường vuông góc. - Nhận biết và tính góc giữa đường thẳng và mặt phẳng trong một số trường hợp đơn giản. - Vận dụng kiến thức về góc giữa đường thẳng và mặt phẳng để mô tả một số hình ảnh thực tế.
24	70, 71, 72	Bài 25: Hai mặt phẳng vuông góc	- Nhận biết góc giữa hai mặt phẳng, hai mặt phẳng vuông góc. - Xác định điều kiện hai mặt phẳng vuông góc. - Giải thích tính chất cơ bản của hai mặt phẳng vuông góc. - Nhận biết góc phẳng của góc nhị diện, tính góc phẳng nhị diện trong một số trường hợp đơn giản. - Giải thích tính chất cơ bản của hình chóp đều, hình lăng trụ đứng (và các trường hợp đặc biệt của nó). - Vận dụng kiến thức của bài học để mô tả một số hình ảnh thực tế.
25	73	Bài 25: Hai mặt phẳng vuông góc (tiếp theo)	
	74,75	Bài 26: Khoảng cách	- Xác định khoảng cách giữa các đối tượng điểm, đường thẳng, mặt phẳng. - Xác định đường vuông góc chung của hai đường thẳng chéo nhau trong các trường hợp đơn giản. - Vận dụng kiến thức về khoảng cách vào một số tình huống thực tế.
26	76	Bài 26: Khoảng cách (tiếp theo)	
	77,78	Bài 27: Thể tích	- Nhận biết công thức tính thể tích của khối chóp, khối lăng trụ, khối hộp, khối chóp cắt đều - Tính thể tích của khối chóp, khối lăng trụ, khối hộp, khối chóp cắt đều trong một số tình huống đơn giản. - Vận dụng kiến thức, kỹ năng về thể tích vào một số bài toán thực tế.
27	79	Ôn tập giữa kỳ II	- Hệ thống kiến thức lý thuyết.

			- Hệ thống các dạng toán cơ bản và phương pháp giải (chú ý các lưu ý cần thiết khi giải toán). - Áp dụng các kiến thức đã học vào các bài toán liên hệ thực tiễn.
	80, 81	Kiểm tra giữa kỳ II	Kiến thức: Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học Kĩ năng: Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh. Năng lực: Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán sử dụng ngôn ngữ. Phẩm chất: Trung thực nghiêm túc trong kiểm tra.
28	82	Bài tập cuối chương VII	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết. - Áp dụng các kiến thức đã học vào các bài toán liên hệ thực tiễn.
	CHƯƠNG VIII: CÁC QUY TẮC TÍNH XÁC SUẤT (9 tiết)		
	83,84	Bài 28: Biến cố hợp, biến cố giao, biến cố độc lập	- Nhận biết các khái niệm biến cố hợp, biến cố giao, biến cố độc lập.
29	85	Bài 28: Biến cố hợp, biến cố giao, biến cố độc lập (tiếp theo)	
	86,87	Bài 29: Công thức cộng xác suất	- Tính xác suất của biến cố hợp của hai biến cố xung khắc bằng cách sử dụng công thức cộng xác suất. - Tính xác suất của biến cố hợp của hai biến cố bất kì bằng cách sử dụng công thức cộng xác suất và phương pháp tổ hợp.
30	88	Bài 29: Công thức cộng xác suất (tiếp theo)	
	89,90	Bài 30: Công thức nhân cho 2 biến cố độc lập	Tính xác suất của biến cố giao của hai biến cố độc lập bằng cách sử dụng công thức nhân xác suất và sơ đồ hình cây.
31	91	Bài tập cuối chương VIII	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết. - Áp dụng các kiến thức đã học vào các bài toán liên hệ thực tiễn.
	CHƯƠNG IX: ĐẠO HÀM (7 tiết)		

	92, 93	Bài 31: Định nghĩa và ý nghĩa của đạo hàm	- Nhận biết một số bài toán dẫn đến khái niệm đạo hàm. - Nhận biết định nghĩa đạo hàm. Tính đạo hàm của một số hàm đơn giản bằng định nghĩa. - Nhận biết ý nghĩa hình học của đạo hàm. Thiết lập phương trình tiếp tuyến của đồ thị hàm số tại một điểm thuộc đồ thị. - Vận dụng định nghĩa đạo hàm vào giải quyết một số bài toán thực tiễn.
32	94, 95, 96	Bài 32: Các quy tắc tính đạo hàm	- Tính đạo hàm của một số hàm sơ cấp cơ bản. - Sử dụng các công thức tính đạo hàm của tổng, hiệu, tích, thương các hàm số và đạo hàm của hàm số hợp. - Vận dụng các quy tắc đạo hàm để giải quyết một số bài toán thực tiễn.
33	97	Bài 33: Đạo hàm cấp hai	- Nhận biết khái niệm đạo hàm cấp hai của một hàm số. - Tính đạo hàm cấp hai của một số hàm số đơn giản. - Vận dụng đạo hàm cấp hai để giải quyết một số bài toán thực tiễn.
	98	<i>Bài tập cuối chương IX</i>	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
	99	Ôn tập cuối học kì 2	- Hệ thống kiến thức lý thuyết. - Hệ thống các dạng toán cơ bản và phương pháp giải. - Áp dụng các kiến thức đã học vào các bài toán liên hệ thực tiễn.
34	100	Ôn tập cuối học kì 2 (tiếp theo)	
	101, 102	Kiểm tra cuối học kì 2	Kiến thức: Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học Kĩ năng: Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh. Năng lực: Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán sử dụng ngôn ngữ. Phẩm chất: Trung thực nghiêm túc trong kiểm tra.
HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM (3 tiết)			
35	103	<i>Một số mô hình toán học sử dụng hàm số mũ và hàm số logarit</i>	- Vận dụng được các kiến thức toán học vào lĩnh vực Giáo dục dân số, chẳng hạn: vận dụng cấp số cộng, cấp số nhân để giải thích quy luật tăng trưởng dân số - Vận dụng hàm số mũ, hàm số lôgarit để giải thích ảnh hưởng của sự tăng trưởng dân số tới tiến bộ kinh tế – xã hội, giải thích mối liên hệ giữa sự tăng trưởng dân số với môi trường sinh thái,...

	104, 105	<i>Hoạt động thực hành trải nghiệm hình học</i>	- Tổ chức các hoạt động ngoài giờ chính khóa: câu lạc bộ toán học; cuộc thi về Toán, dự án học tập, ra báo tường (hoặc nội san) về Toán, như: câu lạc bộ về ứng dụng toán học trong khoa học máy tính và công nghệ thông tin,... - Tổ chức giao lưu học sinh giỏi Toán trong trường và trường bạn, giao lưu với các chuyên gia nhằm hiểu rõ hơn về vai trò của Toán học trong thực tiễn và trong các ngành nghề.
--	-------------	---	---

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP				
1	CD1- Bài 1. Phép biến hình	2	C1,C2	- Nhận biết khái niệm phép biến hình. - Nhận biết khái niệm ảnh của một điểm, của một hình qua một phép biến hình.
2	CD1- Bài 2. Phép tịnh tiến	2	C3,C4	- Nhận biết phép tịnh tiến và các tính chất của phép tịnh tiến. - Xác định ảnh của điểm, đoạn thẳng, tam giác, đường tròn qua phép tịnh tiến. - Vận dụng phép tịnh tiến trong đồ họa và trong một số vấn đề thực tiễn.
3	CD1- Bài 3. Phép đối xứng trục	2	C5,C6	- Nhận biết phép đối xứng trục và các tính chất của phép đối xứng trục. - Xác định ảnh của điểm, đoạn thẳng, tam giác, đường tròn qua phép đối xứng trục. - Vận dụng phép đối xứng trục trong đồ họa và trong một số vấn đề thực tiễn.
4	CD1- Bài 4. Phép quay và phép đối xứng tâm	2	C7,C8	- Nhận biết phép quay, phép đối xứng tâm và các tính chất của chúng. - Xác định ảnh của điểm, đoạn thẳng, tam giác, đường tròn qua phép quay, phép đối xứng tâm.
5	CD1- Bài 5. Phép dời hình	1	C9	- Nhận biết khái niệm phép dời hình. - Vận dụng phép dời hình vào thiết kế đồ họa.
6	CD1- Bài 6. Phép vị tự	2	C10,C11	- Nhận biết phép vị tự. - Nhận biết tính chất của phép vị tự. - Xác định ảnh của điểm, đoạn thẳng, tam giác, đường tròn qua phép vị tự.
7	CD1- Bài 7. Phép đồng dạng	1	C12	- Nhận biết khái niệm phép đồng dạng. - Vận dụng được phép đồng dạng trong thực tiễn.

8	Bài tập cuối chuyên đề I	2	C13,C14	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chuyên đề. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chuyên đề và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
9	CD2- Bài 8. Một vài khái niệm cơ bản	3	C15,C16, C17	Nhận biết một số khái niệm cơ bản: đồ thị, đỉnh, cạnh, đường đi, chu trình, bậc của đỉnh.
10	CD2- Bài 9. Đường đi Euler và đường đi Hamilton	3	C18,C19, C20	Nhận biết đường đi Euler và đường đi Hamilton từ đồ thị.
11	CD2- Bài 10. Bài toán tìm đường đi tối ưu trong một vài trường hợp đơn giản	3	C21,C22, C23	- Nhận biết được thuật toán về tìm đường đi tối ưu trong những trường hợp đơn giản. - Sử dụng kiến thức về đồ thị để giải quyết một số tình huống liên quan đến thực tiễn.
12	Bài tập cuối chuyên đề 2	2	C24,C25	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chuyên đề. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chuyên đề và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
13	CD3- Bài 11. Hình chiếu vuông góc và hình chiếu trục đo	4	C26,C27, C28,C29	- Nhận biết được hình biểu diễn của vật thể. - Nhận biết được hình chiếu vuông góc. - Nhận biết được hình chiếu trục đo và hình chiếu trục đo vuông góc đều.
14	CD3- Bài 13. Bản vẽ kỹ thuật	3	C30,C31, C32	- Nhận biết được nguyên tắc cơ bản trong vẽ kỹ thuật. - Đọc được thông tin từ một số bản vẽ kỹ thuật đơn giản. - Vẽ được bản vẽ kỹ thuật đơn giản.
15	Bài tập cuối chuyên đề 3	1	C33	- Hệ thống kiến thức lý thuyết của chuyên đề. - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chuyên đề và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.
16	Ôn tập và kiểm tra chuyên đề	2	C34,C35	- Hệ thống kiến thức lý thuyết. - Hệ thống các dạng toán cơ bản và phương pháp giải. - Kiểm tra đánh giá việc lĩnh hội kiến thức và liên hệ thực tiễn của HS.

TRƯỜNG : THPT Đỗ Đăng Tuyển.

CỘNG HÒA XÃ HỘI

CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔ: Toán -Tin

I. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC: TOÁN, KHỐI LỚP 10

(Năm học 2025 - 2026)

1. Đặc điểm tình hình

- Giáo viên: Nguyễn Thị Kim Anh
- Lớp được phân công: 10/3, 11/4, 11/8.

2. Kế hoạch dạy học

Phân phối chương trình

Cả năm: 35 tuần (105 tiết);

Trong đó: Học kì 1: 18 tuần (54 tiết); Học kì 2: 17 tuần (51 tiết) Chuyên
đề lựa chọn: 35 tiết / năm học

Bảng 2.2. Phân phối chương trình môn Toán khối lớp 10

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài	Yêu cầu cần đạt
HỌC KÌ I			
1	1-3	CHƯƠNG I. MỆNH ĐỀ TẬP HỢP Bài 1. Mệnh đề	- Thiết lập và phát biểu được các mệnh đề toán học, bao gồm: mệnh đề phủ định; mệnh đề đảo; mệnh đề tương đương; mệnh đề có chứa kí hiệu $\forall$, $\exists$; điều kiện cần, điều kiện đủ, điều kiện cần và đủ.
2	4	Bài 1. Mệnh đề	- Xác định được tính đúng/sai của một mệnh đề toán học trong những trường hợp đơn giản.
	5-6	Bài 2. Tập hợp và các phép toán trên tập hợp	- Nhận biết được các khái niệm cơ bản về tập hợp (tập con, hai tập hợp bằng nhau, tập rỗng) và biết sử dụng các kí hiệu $\subset$, $\supset$, $\emptyset$.
3	7-8	Bài 2. Tập hợp và các phép toán trên tập hợp	- Thực hiện được phép toán trên các tập hợp (hợp, giao, hiệu của hai tập hợp, phần bù của một tập con) và biết dùng biểu đồ Ven để biểu diễn chúng trong những trường hợp cụ thể. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với phép toán trên tập hợp (ví dụ: những bài toán liên quan đến đếm số phần tử của hợp các tập hợp,...).
	9	Bài tập cuối chương I	
4	10-11	CHƯƠNG II. BẤT PHƯƠNG TRÌNH VÀ HỆ BẤT PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT HAI ẨN Bài 3. Bất phương trình bậc nhất hai ẩn	- Nhận biết được bất phương trình bậc nhất hai ẩn. - Biểu diễn được miền nghiệm của bất phương trình bậc nhất hai ẩn trên mặt phẳng tọa độ. - Vận dụng được kiến thức về bất phương trình bậc nhất hai ẩn vào giải quyết bài toán thực tiễn.
	12	Bài 4. Hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn	- Nhận biết được hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn. - Biểu diễn được miền nghiệm của hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn trên mặt phẳng tọa độ.
5	13-14	Bài 4. Hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn	- Vận dụng được kiến thức hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn vào giải quyết bài toán thực tiễn (Ví dụ: bài toán tìm cực trị của biểu thức $F = ax + by$ trên một miền đa giác,...).
	15	Bài tập cuối chương II	

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài	Yêu cầu cần đạt
6	16-17	CHƯƠNG III. HỆ THỨC LƯỢNG TRONG TAM GIÁC Bài 5. Giá trị lượng giác của một góc từ 0^0 đến 180^0	- Nhận biết được giá trị lượng giác của một góc từ 0^0 đến 180^0 - Tính được giá trị lượng giác (đúng hoặc gần đúng) của một góc từ 0^0 đến 180^0 bằng máy tính cầm tay. - Giải thích được hệ thức liên hệ giữa giá trị lượng giác của các góc phụ nhau, bù nhau. - Vận dụng giải một số bài toán có nội dung thực tiễn.
	18	Bài 6. Hệ thức lượng trong tam giác	- Giải thích được các hệ thức lượng cơ bản trong tam giác: định lí cosin, định lí sin, công thức tính diện tích tam giác.
7	19-21	Bài 6. Hệ thức lượng trong tam giác	- Mô tả được cách giải tam giác và vận dụng được vào việc giải một số bài toán có nội dung thực tiễn (ví dụ: xác định khoảng cách giữa hai địa điểm khi gặp vật cản, xác định chiều cao của vật khi không thể đo trực tiếp,...).
8	22	Bài tập cuối chương III	- Hệ thống kiến thức chương III
	23-24	ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I	
9	25	ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I	
	26-27	CHƯƠNG IV. VECTƠ Bài 7. Các khái niệm mở đầu	- Nhận biết được khái niệm vectơ, vectơ bằng nhau, vectơ-không. - Biểu thị được một số đại lượng trong thực tiễn bằng vectơ.
10	28-29	Bài 8. Tổng và hiệu của hai vectơ	- Thực hiện được các phép toán tổng và hiệu hai vectơ. - Mô tả được trung điểm của đoạn thẳng, trọng tâm tam giác bằng vectơ. - Vận dụng vectơ trong bài toán tổng hợp lực, tổng hợp vận tốc.
	30	Bài 9. Tích của vectơ với một số	- Thực hiện được phép toán trên vectơ (tích của một số với vectơ) và mô tả được các tính chất hình học (ba điểm thẳng hàng, trung điểm của đoạn thẳng, trọng tâm của tam giác,...) bằng vectơ.
11	31	Bài 9. Tích của vectơ với một số	- Sử dụng được vectơ và các phép toán trên vectơ để giải thích một số hiện tượng có liên quan đến Vật lí và Hoá học (ví dụ: những vấn đề liên quan đến lực, đến chuyển động,...). - Vận dụng được kiến thức về vectơ để giải một số bài toán hình học và một số bài toán liên quan đến thực tiễn (ví dụ: xác định lực tác dụng lên vật,...).
	32-33	Bài 10. Vectơ trong mặt phẳng	- Nhận biết được toạ độ của vectơ đối với một hệ trục toạ độ. - Tìm được toạ độ của một vectơ, độ dài của một vectơ khi biết toạ độ hai đầu mút của nó.
12	34	Bài 10. Vectơ trong mặt phẳng	- Sử dụng được biểu thức toạ độ của các phép toán vectơ trong tính toán. - Vận dụng được kiến thức về toạ độ của vectơ để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn (ví dụ: vị trí của vật trên mặt phẳng toạ độ,...)
	35-36	Bài 11. Tích vô hướng của hai vectơ	- Tính góc, tích vô hướng của hai vectơ trong những trường hợp cụ thể. - Công thức toạ độ của tích vô hướng, tính chất của tích vô hướng.
13	37	Bài 11. Tích vô hướng của	- Vận dụng được phương pháp toạ độ vào bài toán giải tam giác.

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài	Yêu cầu cần đạt
		hai vector	- Liên hệ khái niệm tích vô hướng với khái niệm công trong Vật lí.
	38	Bài tập cuối chương IV	– Bài tập cuối chương IV Vận dụng được kiến thức về vector để giải một số bài toán hình học và một số bài toán liên quan đến thực tiễn (ví dụ: Xác định lực tác dụng lên vật,...).
	39	CHƯƠNG V. CÁC SỐ ĐẶC TRƯNG CỦA MẪU SỐ LIỆU KHÔNG GHEP NHÓM Bài 12. Số gần đúng và sai số	- Hiểu được khái niệm số gần đúng, sai số tuyệt đối. - Xác định được số gần đúng của một số với độ chính xác cho trước. - Xác định được sai số tương đối của số gần đúng. - Xác định được số quy tròn của số gần đúng với độ chính xác cho trước. - Biết sử dụng máy tính cầm tay để tính toán với các số gần đúng.
14	40	Bài 12. Số gần đúng và sai số	
	41-42	Bài 13. Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm	- Tính được số đặc trưng đo xu thế trung tâm cho mẫu số liệu không ghép nhóm: số trung bình cộng (hay số trung bình), trung vị (<i>median</i>), tứ phân vị (<i>quartiles</i>), môđ (<i>mode</i>). - Giải thích được ý nghĩa và vai trò của các số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong thực tiễn. - Chỉ ra được những kết luận nhờ ý nghĩa của số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong trường hợp đơn giản.
15	43-45	Bài 14. Các số đặc trưng đo độ phân tán	- Tính được số đặc trưng đo mức độ phân tán cho mẫu số liệu không ghép nhóm: khoảng biến thiên, khoảng tứ phân vị, phương sai, độ lệch chuẩn. - Giải thích được ý nghĩa và vai trò của các số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong thực tiễn. - Chỉ ra được những kết luận nhờ ý nghĩa của số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong trường hợp đơn giản. - Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức của các môn học trong Chương trình lớp 10 và trong thực tiễn.
16	46	Bài tập cuối chương V	Hệ thống kiến thức của chương V
	47-48	HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM Tìm hiểu một số kiến thức về tài chính	
17	49-50	Mạng xã hội: Lợi và hại	
	51	ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I	
18	52-54	ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I	
HỌC KÌ II			
19	55-57	CHƯƠNG VI. HÀM SỐ, ĐỒ THỊ VÀ ỨNG DỤNG Bài 15. Hàm số	- Nhận biết được những mô hình thực tế (dạng bảng, biểu đồ, công thức) dẫn đến khái niệm hàm số. - Mô tả được các khái niệm cơ bản về hàm số: định nghĩa hàm số, tập xác định, tập giá trị, hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến, đồ thị của hàm số.
20	58	Bài 15. Hàm số	

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài	Yêu cầu cần đạt
			- Mô tả được các đặc trưng hình học của đồ thị hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến. - Vận dụng được kiến thức của hàm số vào giải quyết bài toán thực tiễn (ví dụ: xây dựng hàm số bậc nhất trên những khoảng khác nhau để tính số tiền y (phải trả) theo số phút gọi x đối với một gói cước điện thoại,...).
	59-60	Bài 16. Hàm số bậc hai	- Thiết lập được bảng giá trị của hàm số bậc hai.
21	61	Bài 16. Hàm số bậc hai	- Vẽ được parabol (parabola) là đồ thị của hàm số bậc hai. - Nhận biết được các yếu tố cơ bản của đường parabol như đỉnh, trục đối xứng. - Nhận biết và giải thích được các tính chất của hàm số bậc hai thông qua đồ thị. - Vận dụng được kiến thức về hàm số bậc hai và đồ thị vào giải quyết bài toán thực tiễn (ví dụ: xác định độ cao của cầu, cổng có hình dạng Parabola,...).
	62-63	Bài 17. Dấu của tam thức bậc hai	- Giải thích được định lý về dấu của tam thức bậc hai từ việc quan sát đồ thị của hàm bậc hai. - Giải được bất phương trình bậc hai.
	64	Bài 17. Dấu của tam thức bậc hai	- Vận dụng được bất phương trình bậc hai một ẩn vào giải quyết bài toán thực tiễn (Ví dụ: xác định chiều cao tối đa để xe có thể qua hầm có hình dạng Parabola,...).
22	65-66	Bài 18. Phương trình quy về phương trình bậc hai	Giải phương trình chứa căn thức có dạng: $\sqrt{ax^2 + bx + c} = \sqrt{dx^2 + ex + f}; \sqrt{ax^2 + bx + c} = dx + e.$
	67	Bài tập cuối chương VI	
23	68-69	CHƯƠNG VII. PHƯƠNG PHÁP TỌA ĐỘ TRONG MẶT PHẪNG Bài 19. Phương trình đường thẳng	- Mô tả được phương trình tổng quát và phương trình tham số của đường thẳng trong mặt phẳng tọa độ. - Thiết lập được phương trình của đường thẳng trong mặt phẳng khi biết: một điểm và một vectơ pháp tuyến; biết một điểm và một vectơ chỉ phương; biết hai điểm. - Giải thích được mối liên hệ giữa đồ thị hàm số bậc nhất và đường thẳng trong mặt phẳng tọa độ. - Vận dụng kiến thức về phương trình đường thẳng để giải một số bài toán có liên quan đến thực tiễn.
24	70-72	Bài 20. Vị trí tương đối giữa hai đường thẳng. Góc và khoảng cách	- Nhận biết được hai đường thẳng cắt nhau, song song, trùng nhau, vuông góc với nhau bằng phương pháp tọa độ. - Thiết lập được công thức tính góc giữa hai đường thẳng. - Tính được khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng bằng phương pháp tọa độ. - Vận dụng các công thức tính góc và khoảng cách để giải một số bài toán có liên quan đến thực tiễn.
25	73-74	Bài 21. Đường tròn trong mặt phẳng tọa độ	- Thiết lập được phương trình đường tròn khi biết tọa độ tâm và bán kính; biết tọa độ ba điểm mà đường tròn đi qua; xác định được tâm và bán kính đường tròn khi biết phương trình của đường tròn. - Thiết lập được phương trình tiếp tuyến của đường tròn khi biết tọa độ của tiếp điểm. - Vận dụng được kiến thức về phương trình đường tròn để giải một số bài toán liên quan đến

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài	Yêu cầu cần đạt
			thực tiễn (Ví dụ: bài toán về chuyển động tròn trong Vật lí,...).
	75	Bài 22. Ba đường conic	- Nhận biết được ba đường conic bằng hình học.
26	76-78	Bài 22. Ba đường conic	- Nhận biết được phương trình chính tắc của ba đường conic trong mặt phẳng tọa độ. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với ba đường conic (Ví dụ: giải thích một số hiện tượng trong Quang học,...).
27	79	Bài tập cuối chương VII	
	80-81	ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II	
	82	ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II	
28	83-84	CHƯƠNG VIII. ĐẠI SỐ TỔ HỢP Bài 23. Quy tắc đếm	- Vận dụng được quy tắc cộng và quy tắc nhân trong một số tình huống đơn giản (Ví dụ: đếm số khả năng xuất hiện mặt sấp/ngửa khi tung một số đồng xu,...). - Vận dụng được sơ đồ hình cây trong các bài toán đếm đơn giản các đối tượng trong Toán học, trong các môn học khác cũng như trong thực tiễn (Ví dụ: đếm số hợp tử tạo thành trong Sinh học, hoặc đếm số trận đấu trong một giải thể thao,...).
29	85-86	Bài 23. Quy tắc đếm	- Tính được số hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp. - Tính được số hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp bằng máy tính cầm tay.
	87	Bài 24. Hoán vị, chỉnh hợp và tổ hợp	
30	88-90	Bài 24. Hoán vị, chỉnh hợp và tổ hợp	
31	91-92	Bài 25. Nhị thức Newton	Khai triển nhị thức Newton $(a + b)^n$ với số mũ thấp ($n = 4$ hoặc $n = 5$) bằng cách vận dụng tổ hợp.
	93	Bài tập cuối chương VIII	
32	94-95	CHƯƠNG IX. TÍNH XÁC SUẤT THEO ĐỊNH NGHĨA CỔ ĐIỂN Bài 26. Biến cố và định nghĩa cổ điển của xác suất	- Nhận biết được một số khái niệm về xác suất cổ điển: phép thử ngẫu nhiên; không gian mẫu; biến cố (biến cố là tập con của không gian mẫu); biến cố đối; định nghĩa cổ điển của xác suất; nguyên lý xác suất bé. - Mô tả được không gian mẫu, biến cố trong một số thí nghiệm đơn giản (Ví dụ: tung đồng xu hai lần, tung đồng xu ba lần, tung xúc xắc hai lần). - Mô tả tính chất cơ bản của xác suất.
	96	Bài 27. Thực hành tính xác suất theo định nghĩa cổ điển	- Tính được xác suất của biến cố trong một số bài toán đơn giản bằng phương pháp tổ hợp (trường hợp xác suất phân bố đều). - Tính được xác suất trong một số thí nghiệm lặp bằng cách sử dụng sơ đồ hình cây (Ví dụ: tung xúc xắc hai lần, tính xác suất để tổng số chấm xuất hiện trong hai lần tung bằng 7).
33	97-98	Bài 27. Thực hành tính xác suất theo định nghĩa cổ điển	- Năm và vận dụng quy tắc tính xác suất của biến cố đối.
	99	Bài tập cuối chương IX	
34	100-101	HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM Một số nội dung cho hoạt động trải nghiệm hình học	
	102	Ước tính số cá thể trong một quần thể	

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài	Yêu cầu cần đạt
35	103-105	ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II	

Bảng 2.3. Kế hoạch dạy học chuyên đề Toán khối lớp 10 (35 tiết, mỗi tuần 1 tiết)

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài	Yêu cầu cần đạt
HỌC KÌ I			
1	1	CHUYÊN ĐỀ 1. HỆ PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT BA ẨN Bài 1. Hệ phương trình bậc nhất ba ẩn	- Nhận biết được khái niệm nghiệm của hệ phương trình bậc nhất ba ẩn. - Giải được hệ phương trình bậc nhất ba ẩn bằng phương pháp Gauss. - Tìm được nghiệm hệ phương trình bậc nhất ba ẩn bằng máy tính cầm tay.
2	2	Bài 1. Hệ phương trình bậc nhất ba ẩn	
3	3	Bài 1. Hệ phương trình bậc nhất ba ẩn	
4	4	Bài 1. Hệ phương trình bậc nhất ba ẩn	
5	5	Bài 1. Hệ phương trình bậc nhất ba ẩn	
6	6	Bài 2. Ứng dụng của hệ phương trình bậc nhất ba ẩn	- Vận dụng được cách giải hệ phương trình bậc nhất ba ẩn vào giải quyết một số bài toán Vật lí (tính điện trở, tính cường độ dòng điện trong dòng điện không đổi,...), Hoá học (cân bằng phản ứng,...), Sinh học (bài tập nguyên phân, giảm phân,...). - Vận dụng cách giải hệ phương trình bậc nhất ba ẩn để giải quyết một số vấn đề thực tiễn cuộc sống (ví dụ: bài toán lập kế hoạch sản xuất, mô hình cân bằng thị trường, phân bổ vốn đầu tư,...).
7	7	Bài 2. Ứng dụng của hệ phương trình bậc nhất ba ẩn	
8	8	Bài 2. Ứng dụng của hệ phương trình bậc nhất ba ẩn	
9	9	Bài 2. Ứng dụng của hệ phương trình bậc nhất ba ẩn	
10	10	Bài tập chuyên đề 1	
11	11	Bài tập chuyên đề 1	
12	12	CHUYÊN ĐỀ 2. PHƯƠNG PHÁP QUY NẠP TOÁN HỌC. NHỊ THỨC NEWTON Bài 3. Phương pháp quy nạp toán học	- Mô tả được các bước chứng minh tính đúng đắn của một mệnh đề toán học bằng phương pháp quy nạp. - Chứng minh được tính đúng đắn của một mệnh đề toán học bằng phương pháp quy nạp toán học. - Vận dụng được phương pháp quy nạp toán học để giải quyết một số vấn đề thực tiễn.
13	13	Bài 3. Phương pháp quy nạp toán học	
14	14	Bài 3. Phương pháp quy nạp toán học	
15	15	Bài 3. Phương pháp quy nạp toán học	
16	16	Bài 4. Nhị thức Newton	- Khai triển được nhị thức Newton $(a + b)^n$ bằng cách vận dụng tổ hợp.
17	17	Bài 4. Nhị thức Newton	

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài	Yêu cầu cần đạt
18	18	Bài 4. Nhị thức Newton	- Xác định được các hệ số trong nhị thức Newton thông qua tam giác Pascal. - Xác định được hệ số của x^k trong khai triển $(a+b)^n$ thành đa thức.
HỌC KÌ II			
19	19	Bài 4. Nhị thức Newton	- Khai triển được nhị thức Newton $(a+b)^n$ bằng cách vận dụng tổ hợp. - Xác định được các hệ số trong nhị thức Newton thông qua tam giác Pascal. - Xác định được hệ số của x^k trong khai triển $(a+b)^n$ thành đa thức.
20	20	Bài 4. Nhị thức Newton	
21	21	Bài tập chuyên đề 2	
22	22	CHUYÊN ĐỀ 3. BA ĐƯỜNG CONIC VÀ ỨNG DỤNG Bài 5. Elip	- Xác định được các yếu tố đặc trưng của đường elip (hình dạng, tiêu điểm, tiêu cự, bán kính qua tiêu, độ dài các trục, tâm sai, đường chuẩn...) khi biết phương trình chính tắc của đường elip đó. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với đường elip.
23	23	Bài 5. Elip	
24	24	Bài 5. Elip	
25	25	Bài 6. Hypebol	- Xác định được các yếu tố đặc trưng của đường hypebol (hình dạng, tiêu điểm, tiêu cự, bán kính qua tiêu, độ dài các trục, tâm sai, đường chuẩn...) khi biết phương trình chính tắc của đường hypebol đó. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với đường hypebol.
26	26	Bài 6. Hypebol	
27	27	Bài 6. Hypebol	
28	28	Bài 7. Parabol	- Xác định được các yếu tố đặc trưng của đường parabol (hình dạng, tham số tiêu, bán kính qua tiêu, tâm sai, đường chuẩn...) khi biết phương trình chính tắc của đường parabol đó. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với đường parabol.
29	29	Bài 7. Parabol	
30	30	Bài 8. Sự thống nhất giữa ba đường conic	
31	31	Bài 8. Sự thống nhất giữa ba đường conic	- Nhận biết được đường conic như là giao của mặt phẳng với mặt nón. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với ba đường conic.
32	32	Bài tập chuyên đề 3	
33	33	Ôn tập kiểm tra	
34	34	Ôn tập kiểm tra	
35	35	Ôn tập kiểm tra	

Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
------------------------	---------------	---------------	---------------------	---------------

Giữa Học kỳ 1	90 phút	Tuần thứ 9	Đáp ứng yêu cầu cần đạt chủ đề 1, chủ đề 2, chủ đề 3	Thi viết trên giấy
Cuối Học kỳ 1	90 phút	Tuần thứ 18	Đáp ứng yêu cầu cần đạt chủ đề 2, chủ đề 3, chủ đề 4 và chủ đề 5	Thi viết trên giấy (tập trung toàn khối)
Giữa Học kỳ II	90 phút	Tuần thứ 27	Đáp ứng yêu cầu cần đạt chủ đề 6, chủ đề 7	Thi viết trên giấy
Cuối Học kỳ II	90 phút	Tuần thứ 34	Đáp ứng yêu cầu cần đạt chủ đề 7, chủ đề 8, chủ đề 9	Thi viết trên giấy (tập trung toàn khối)

Phú Thuận, ngày 05 tháng 09 năm 2025

Tổ Trưởng

Giáo viên

Lê Văn Lên

Nguyễn Thị Kim Anh

PPCT CHUYÊN ĐỀ TOÁN LỚP 11

**SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG
NĂM HỌC 2025-2026**

Chuyên đề: 35 tiết

TẬP 1 (HỌC KỲ I) 18 TUẦN

	<i>Tuần</i>	<i>Sách GK + Ôn, KT</i>	<i>Chuyên đề</i>	<i>Cộng</i>
	1-18	18 X 3 = 54	18 X 1=18	72 tiết
TUẦN	TIẾT THỨ	BÀI DẠY		GHI CHÚ
1	1	CĐ1 - Bài 1: Phép biến hình		T1/1
2	2	CĐ1 – Bài 2: Phép tịnh tiến		T1/2
3	3	CĐ1 – Bài 2: Phép tịnh tiến (tiếp theo)		T2/2
4	4	CĐ1- Bài 3: Phép đối xứng trục		T1/2
5	5	CĐ1- Bài 3: Phép đối xứng trục (tt)		T2/2
6	6	CĐ1- Bài 4: Phép quay và phép đối xứng tâm		T1/4
7	7	CĐ1- Bài 4: Phép quay và phép đối xứng tâm		T2/4
8	8	CĐ1- Bài 4: Phép quay và phép đối xứng tâm		T3/4
9	9	CĐ1- Bài 4: Phép quay và phép đối xứng tâm		T4/4
10	10	CĐ1- Bài 5: Phép dời hình		T1/2
11	11	CĐ1- Bài 5: Phép dời hình		T2/2
12	12	CĐ1- Bài 6: Phép vị tự		T1/2
13	13	CĐ1- Bài 6: Phép vị tự		T2/2
14	14	CĐ1- Bài 7: Phép đồng dạng		T1/2

15	15	CD1- Bài 7: Phép đồng dạng	T2/2	
16	16	CD1- Bài tập cuối chuyên đề 1	T1/3	
17	17	CD1- Bài tập cuối chuyên đề 1 (tiếp theo)	T2/3	
18	18	CD1- Bài tập cuối chuyên đề 1 (tiếp theo)	T3/3	
TẬP 2 (HỌC KỲ II) 17 tuần				
	<i>Tuần</i>	<i>Sách GK + Ôn, KT</i>	<i>Chuyên đề</i>	<i>Cộng</i>
	1-17	17 X 3 = 51	17 X 1 = 17	68 tiết
19	19	CD2- Bài 8: Một số khái niệm cơ bản	T1/2	
20	20	CD2- Bài 8: Một số khái niệm cơ bản (tiếp theo)	T2/2	
21	21	CD2- Bài 9: Đường đi Euler và đường đi Hamilton	T1/2	
22	22	CD2- Bài 9: Đường đi Euler và đường đi Hamilton (tt)	T2/2	
23	23	CD2- Bài 10: Bài toán tìm đường đi tối ưu trong một vài trường hợp đơn giản	T1/2	
24	24	CD2- Bài 10: Bài toán tìm đường đi tối ưu trong một vài trường hợp đơn giản (tiếp theo)	T2/2	
25	25	CD2- Bài tập cuối chuyên đề 2	T1/3	
26	26	CD2- Bài tập cuối chuyên đề 2 (tiếp theo)	T2/3	
27	27	CD2- Bài tập cuối chuyên đề 2 (tiếp theo)	T3/3	
28	28	CD3- Bài 11: Hình chiếu vuông góc và hình chiếu trục đo	T1/2	
29	29	CD3- Bài 11: Hình chiếu vuông góc và hình chiếu trục đo (tiếp theo)	T2/2	
30	30	CD3- Bài 12: Bản vẽ kỹ thuật	T1/3	
31	31	CD3- Bài 12: Bản vẽ kỹ thuật (tiếp theo)	T2/3	
32	32	CD3- Bài 12: Bản vẽ kỹ thuật (tiếp theo)	T3/3	
33	33	CD3- Bài tập cuối chuyên đề 3	T1/3	
34	34	CD3- Bài tập cuối chuyên đề 3	T2/3	
35	35	CD3- Bài tập cuối chuyên đề 3	T3/3	